

Số: /QĐ-SYT Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng tại Kỳ tuyển dụng  
viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa và Trung tâm  
Y tế huyện Tuyên Hóa năm 2021**

### **GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Công văn số 927/SNV-CCVC ngày 13/7/2018 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công tác tuyển dụng viên chức;*

*Căn cứ Công văn số 907/SNV-CBCCVC ngày 28/6/2021 của Sở Nội vụ về việc thẩm định kế hoạch tuyển dụng viên chức của Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa và Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-SYT ngày 15/7/2021 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa và Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa năm 2021;*

*Căn cứ các văn bản quy định hiện hành về xét tuyển viên chức;*

*Theo đề nghị công nhận kết quả tuyển dụng của Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa và Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa năm 2021 tại Văn bản số 3876/BC- HDXT ngày 24/11/2021 và của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức tại Kỳ tuyển dụng viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa và Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa năm 2021, cụ thể như sau: *(Có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế, Chủ tịch Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa và Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa năm 2021, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Cường**

**DANH SÁCH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TẠI KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN**  
**ĐA KHOA HUYỆN MINH HÓA VÀ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYẾN HÓA NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Bình)

| TT       | Họ và tên  | Ngày sinh  | Số CMND/Thẻ<br>CCCD | Quê quán   | Giới<br>tính | Trình độ<br>chuyên môn          | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu<br>tuyển | Điểm xét<br>tuyển (tổng<br>điểm) | Kết<br>quả     |
|----------|--|------------|---------------------|--|--------------|---------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------------------|----------------|
| (1)      | (2)  | (3)        | (4)                 | (5)  | (6)          | (7)                             | (8)                | (9)                 | (10)=(8)+(9)                     | (11)           |
| <b>I</b> | <b>BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MINH HÓA</b>  |            |                     |  |              |                                 |                    |                     |                                  |                |
| <b>1</b> | <b>Vị trí việc làm: Bác sĩ Khoa Liên chuyên khoa (Mã số dự tuyển X.1)</b>                        |            |                     |  |              |                                 |                    |                     |                                  |                |
| 1.1      | Nguyễn Thị My  | 10/12/1992 | 044192011995        | Xã An Thủy,<br>huyện Lệ Thủy,<br>tỉnh Quảng Bình   | Nữ           | Đại học ngành<br>Bác sĩ đa khoa | 80                 |                     | 80                               | Trúng<br>tuyển |
| <b>2</b> | <b>Vị trí việc làm: Bác sĩ Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và chống độc (Mã số dự tuyển X.2)</b> |            |                     |  |              |                                 |                    |                     |                                  |                |
| 2.1      | Trương Thị<br>Thu Hoài   | 25/5/1994  | 194486075           | Xã Hóa Tiến,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình | Nữ           | Đại học ngành<br>Bác sĩ y khoa  | 61,5               |                     | 61,5                             | Trúng<br>tuyển |
| <b>3</b> | <b>Vị trí việc làm: Bác sĩ Khoa Nhi (Mã số dự tuyển X.3)</b>                                     |            |                     |  |              |                                 |                    |                     |                                  |                |
| 3.1      | Trịnh Xuân<br>Phúc   | 18/9/1990  | 194363158           | Xã Vĩnh Thành,<br>huyện Yên Thành,<br>tỉnh Nghệ An | Nam          | Đại học ngành<br>Bác sĩ y khoa  | 51                 |                     | 51                               | Trúng<br>tuyển |
| <b>4</b> | <b>Vị trí việc làm: Bác sĩ Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh (Mã số dự tuyển X.4)</b>         |            |                     |  |              |                                 |                    |                     |                                  |                |
| 4.1      | Đình Bảo<br>Quyền  | 16/01/1994 | 044094003211        | Xã Hóa Hợp,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình  | Nam          | Đại học ngành<br>Bác sĩ y khoa  | 80                 |                     | 80                               | Trúng<br>tuyển |

| TT       | Họ và tên   | Ngày sinh  | Số CMND/Thẻ<br>CCCD | Quê quán  | Giới<br>tính | Trình độ<br>chuyên môn                              | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu<br>tuyển | Điểm xét<br>tuyển (tổng<br>điểm) | Kết<br>quả     |
|----------|---|------------|---------------------|---|--------------|---|--------------------|---------------------|----------------------------------|----------------|
| (1)      | (2)   | (3)        | (4)                 | (5)   | (6)          | (7)   | (8)                | (9)                 | (10)=(8)+(9)                     | (11)           |
| <b>5</b> | <b>Vị trí việc làm: Điều dưỡng Khoa Nội tổng hợp (Mã số dự tuyển X.5)</b>                         |            |                     |   |              |   |                    |                     |                                  |                |
| 5.1      | Đình Tiên<br>Hoàng  | 15/5/1995  | 044095003492        | Xã Yên Hóa,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình       | Nam          | Đại học ngành<br>Điều dưỡng                         | 51                 |                     | 51                               | Trúng<br>tuyển |
| 5.2      | Trần Bảo Lên  | 03/02/1995 | 044095007505        | Thị trấn Quy Đạt,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình | Nam          | Đại học ngành<br>Điều dưỡng                         | 55                 |                     | 55                               | Trúng<br>tuyển |
| <b>6</b> | <b>Vị trí việc làm: Kiểm soát nhiễm khuẩn tại Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn (Mã số dự tuyển X.6)</b> |            |                     |   |              |   |                    |                     |                                  |                |
| 6.1      | Cao Thị Hồng<br>Vân   | 03/01/1984 | 044184008554        | Xã Trung Hóa,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình     | Nữ           | Đại học ngành<br>Điều dưỡng                         | 67                 |                     | 67                               | Trúng<br>tuyển |
| <b>7</b> | <b>Vị trí việc làm: Điều dưỡng Khoa Liên chuyên khoa (Mã số dự tuyển X.7)</b>                     |            |                     |   |              |   |                    |                     |                                  |                |
| 7.1      | Đình Thị Thùy<br>Trang  | 23/5/1992  | 044192008389        | Xã Trung Hóa,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình     | Nữ           | Đại học ngành<br>Điều dưỡng                         | 63                 |                     | 63                               | Trúng<br>tuyển |
| <b>8</b> | <b>Vị trí việc làm: Điều dưỡng Khoa Nội tổng hợp (Mã số dự tuyển X.8):</b>                        |            |                     |   |              |   |                    |                     |                                  |                |
| 8.1      | Đình Văn Nông   | 02/10/1992 | 044092004892        | Xã Hóa Sơn,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình       | Nam          | Cao đẳng Điều<br>dưỡng                              | 52                 |                     | 52                               | Trúng<br>tuyển |
| <b>9</b> | <b>Vị trí việc làm: Kỹ thuật y Khoa Y học cổ truyền (Mã số dự tuyển X.9)</b>                      |            |                     |   |              |   |                    |                     |                                  |                |
| 9.1      | Trương Đình<br>Tùng   | 15/12/1998 | 044098002761        | Xã Minh Hóa,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình      | Nam          | Cao đẳng Vật lý<br>trị liệu - Phục hồi<br>chức năng | 59                 |                     | 59                               | Trúng<br>tuyển |

| TT        | Họ và tên  | Ngày sinh  | Số CMND/Thẻ<br>CCCD | Quê quán   | Giới<br>tính | Trình độ<br>chuyên môn           | Điểm thi<br>vòng 2                   | Điểm<br>ưu<br>tuyển | Điểm xét<br>tuyển (tổng<br>điểm) | Kết<br>quả              |
|-----------|--|------------|---------------------|--|--------------|----------------------------------|--------------------------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------|
| (1)       | (2)  | (3)        | (4)                 | (5)  | (6)          | (7)                              | (8)                                  | (9)                 | (10)=(8)+(9)                     | (11)                    |
| <b>10</b> | <b>Vị trí việc làm: Kế toán thu viện phí tại Phòng Tài chính Kế toán (Mã số dự tuyển X.10)</b>                         |            |                     |  |              |                                  |                                      |                     |                                  |                         |
| 10.1      | Đinh Thị<br>Khánh Hòa  | 17/8/1993  | 044193009299        | Thị trấn Quy Đạt,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình  | Nữ           | Đại học ngành Kế<br>toán         | 79                                   |                     | 79                               | Trúng<br>tuyển          |
| <b>11</b> | <b>Vị trí việc làm: Công tác xã hội thuộc Phòng Điều dưỡng (Mã số dự tuyển X.11)</b>                                   |            |                     |  |              |                                  |                                      |                     |                                  |                         |
| 11.1      | Đinh Lệ Huyền  | 22/10/1991 | 044191006481        | Xã Yên Hóa,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình        | Nữ           | Đại học ngành<br>Công tác xã hội | 92                                   |                     | 92                               | Trúng<br>tuyển          |
| <b>II</b> | <b>TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYỀN HÓA</b>  |            |                     |  |              |                                  |                                      |                     |                                  |                         |
| <b>12</b> | <b>Vị trí việc làm: Bác sĩ Trạm Y tế xã Tiến Hóa (Mã số dự tuyển X.12)</b>   |            |                     |  |              |                                  |                                      |                     |                                  |                         |
| 12.1      | Trần Văn Nam   | 20/11/1992 | 044092004150        | Xã Quảng Văn,<br>thị xã Ba Đồn, tỉnh<br>Quảng Bình       | Nam          | Đại học ngành<br>Bác sĩ đa khoa  | 67                                   |                     | 67                               | Trúng<br>tuyển          |
| <b>13</b> | <b>Vị trí việc làm: Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và vắc xin sinh phẩm khoa Kiểm soát bệnh tật (Mã số dự tuyển X.13)</b> |            |                     |  |              |                                  |                                      |                     |                                  |                         |
| 13.1      | Phạm Thị Ánh<br>Ngọc   | 01/5/1991  | 194444326           | Xã Lê Hóa,<br>huyện Tuyên Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình        | Nữ           | Trung cấp ngành<br>Y sĩ          | 84,5                                 |                     | 84,5                             | Trúng<br>tuyển          |
| 13.2      | Phùng Viết<br>Ngọc   | 25/3/1995  | 044095001241        | Xã Quảng Thạch,<br>huyện Quảng Trạch,<br>tỉnh Quảng Bình | Nam          | Trung cấp ngành<br>Y sĩ          | Không<br>tham dự<br>thi phỏng<br>vấn |                     |                                  | Không<br>trúng<br>tuyển |

| TT        | Họ và tên   | Ngày sinh  | Số CMND/Thẻ<br>CCCD | Quê quán   | Giới<br>tính | Trình độ<br>chuyên môn                    | Điểm thi<br>vòng 2                   | Điểm<br>ưu<br>tuyển        | Điểm xét<br>tuyển (tổng<br>điểm) | Kết<br>quả              |
|-----------|---|------------|---------------------|--|--------------|---|--------------------------------------|----------------------------|----------------------------------|-------------------------|
| (1)       | (2)   | (3)        | (4)                 | (5)  | (6)          | (7)                                       | (8)                                  | (9)                        | (10)=(8)+(9)                     | (11)                    |
| <b>14</b> | <b>Vị trí việc làm: Điều dưỡng Cơ sở điều trị Methadone (Mã số dự tuyển X.14)</b>       |            |                     |  |              |   |                                      |                            |                                  |                         |
| 14.1      | Cao Thị Thùy Nhung  | 11/7/1997  | 044197005830        | Xã Hóa Hợp,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình  | Nữ           | Cao đẳng ngành<br>Điều dưỡng              | 79                                   |                            | 79                               | Trúng<br>tuyển          |
| <b>15</b> | <b>Vị trí việc làm: Bác sĩ Y học dự phòng khoa Y tế công cộng (Mã số dự tuyển X.15)</b> |            |                     |  |              |   |                                      |                            |                                  |                         |
| 15.1      | Vũ Thị Thanh Hiền   | 01/6/1995  | 194584547           | Xã Châu Giang,<br>huyện Duy Tiên,<br>tỉnh Hà Nam   | Nữ           | Đại học ngành<br>Bác sĩ Y học dự<br>phòng | 70                                   | 5<br>(con<br>bệnh<br>bình) | 75                               | Trúng<br>tuyển          |
| 15.2      | Hoàng Thị Lan   | 29/6/1990  | 044190003921        | Xã Đức Ninh,<br>TP Đồng Hới, tỉnh<br>Quảng Bình    | Nữ           | Đại học ngành<br>Bác sĩ Y học dự<br>phòng | Không<br>tham dự<br>thi phỏng<br>vấn |                            |                                  | Không<br>trúng<br>tuyển |
| 15.3      | Lê Thị Lan  | 03/03/1997 | 194632153           | Xã Mai Thủy,<br>huyện Lệ Thủy,<br>tỉnh Quảng Bình  | Nữ           | Bác sĩ Y học dự<br>phòng                  | Không<br>tham dự<br>thi phỏng<br>vấn |                            |                                  | Không<br>trúng<br>tuyển |
| 15.4      | Đình Thành Nam  | 20/5/1994  | 044094002903        | Xã Xuân Hóa,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình | Nam          | Đại học ngành<br>Bác sĩ Y học dự<br>phòng | Không<br>tham dự<br>thi phỏng<br>vấn |                            |                                  | Không<br>trúng<br>tuyển |
| 15.5      | Nguyễn Thị Thanh Trang  | 14/9/1997  | 191896497           | Xuân Phú, Huế,<br>Thừa Thiên Huế                   | Nữ           | Đại học ngành<br>Bác sĩ Y học dự<br>phòng | Không<br>tham dự<br>thi phỏng<br>vấn |                            |                                  | Không<br>trúng<br>tuyển |
| <b>16</b> | <b>Vị trí việc làm: Điều dưỡng Khoa Kiểm soát bệnh tật (Mã số dự tuyển X.16)</b>        |            |                     |  |              |   |                                      |                            |                                  |                         |
| 16.1      | Đoàn Ngọc Phượng  | 20/7/1999  | 044099007530        | Xã Đức Hóa,<br>huyện Tuyên Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình | Nam          | Cao đẳng Điều<br>dưỡng                    | 98                                   |                            | 98                               | Trúng<br>tuyển          |

| TT        | Họ và tên  | Ngày sinh  | Số CMND/Thẻ<br>CCCD | Quê quán   | Giới<br>tính | Trình độ<br>chuyên môn          | Điểm thi<br>vòng 2                   | Điểm<br>ưu<br>tuyển        | Điểm xét<br>tuyển (tổng<br>điểm) | Kết<br>quả              |
|-----------|--|------------|---------------------|--|--------------|---------------------------------|--------------------------------------|----------------------------|----------------------------------|-------------------------|
| (1)       | (2)  | (3)        | (4)                 | (5)  | (6)          | (7)                             | (8)                                  | (9)                        | (10)=(8)+(9)                     | (11)                    |
| <b>17</b> | <b>Vị trí việc làm: Điều dưỡng Trạm Y tế xã Đồng Hóa (Mã số dự tuyển X.17)</b> |            |                     |  |              |                                 |                                      |                            |                                  |                         |
| 17.1      | Trần Thị Lan   | 28/3/1993  | 194497827           | Xã Lê Hóa,<br>huyện Tuyên Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình    | Nữ           | Cao đẳng Điều<br>dưỡng          | 54                                   |                            | 54                               | Trúng<br>tuyển          |
| <b>18</b> | <b>Vị trí việc làm: Y sĩ Trạm y tế xã Đức Hóa (Mã số dự tuyển X.18)</b>        |            |                     |  |              |                                 |                                      |                            |                                  |                         |
| 18.2      | Cao Xuân<br>Phuong   | 23/11/1993 | 194454527           | Xã Thanh Hóa,<br>huyện Tuyên Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình | Nữ           | Trung cấp ngành<br>Y sĩ đa khoa | 55                                   |                            | 55                               | Trúng<br>tuyển          |
| <b>19</b> | <b>Vị trí việc làm: Dược sĩ Trạm Y tế xã Lâm Hóa (Mã số dự tuyển X.19)</b>     |            |                     |  |              |                                 |                                      |                            |                                  |                         |
| 19.1      | Cao Đức Mạnh   | 01/11/1996 | 044096000939        | Xã Hóa Hợp,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình    | Nam          | Cao đẳng ngành<br>Dược sĩ       | 55                                   | 5<br>(dân tộc<br>thiểu số) | 60                               | Trúng<br>tuyển          |
| <b>20</b> | <b>Vị trí việc làm: Y sĩ Trạm Y tế xã Thanh Hóa (Mã số dự tuyển X.20)</b>      |            |                     |  |              |                                 |                                      |                            |                                  |                         |
| 20.1      | Cao Quốc Mỹ  | 22/8/1992  | 044092003704        | Xã Hóa Thanh,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình  | Nam          | Trung cấp ngành<br>Y sĩ đa khoa | 59                                   |                            | 59                               | Trúng<br>tuyển          |
| <b>21</b> | <b>Vị trí việc làm: Dược sĩ Trạm Y tế xã Thanh Thạch (Mã số dự tuyển X.21)</b> |            |                     |  |              |                                 |                                      |                            |                                  |                         |
| 21.1      | Nguyễn Thu<br>Hiền   | 09/10/1995 | 044195001827        | Xã Thanh Hóa,<br>huyện Tuyên Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình | Nữ           | Cao đẳng ngành<br>Dược          | Không<br>tham dự<br>thi phỏng<br>vấn |                            |                                  | Không<br>trúng<br>tuyển |
| 21.2      | Nguyễn Thị<br>Thủy   | 14/7/1989  | 194319534           | Xã Thanh Hóa,<br>huyện Tuyên Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình | Nữ           | Cao đẳng ngành<br>Dược sĩ       | 59                                   |                            | 59                               | Trúng<br>tuyển          |

| TT        | Họ và tên   | Ngày sinh  | Số CMND/Thẻ<br>CCCD | Quê quán  | Giới<br>tính | Trình độ<br>chuyên môn          | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu<br>tuyển | Điểm xét<br>tuyển (tổng<br>điểm) | Kết<br>quả              |
|-----------|---|------------|---------------------|---|--------------|---------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------|
| (1)       | (2)   | (3)        | (4)                 | (5)   | (6)          | (7)                             | (8)                | (9)                 | (10)=(8)+(9)                     | (11)                    |
| <b>22</b> | <b>Vị trí việc làm: Y sỹ Trạm Y tế xã Thuận Hóa (Mã số dự tuyển X.22)</b> |            |                     |   |              |                                 |                    |                     |                                  |                         |
| 22.1      | Huỳnh Võ Sang   | 03/2/1995  | 044095002931        | Xã Kim Hóa,<br>huyện Tuyên Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình  | Nam          | Trung cấp ngành<br>Y sỹ đa khoa | 75                 |                     | 75                               | Trúng<br>tuyển          |
| 22.2      | Đình Xuân<br>Tịnh   | 20/12/1990 | 044090005852        | Xã Hóa Thanh,<br>huyện Minh Hóa,<br>tỉnh Quảng Bình | Nam          | Trung cấp ngành<br>Y sỹ đa khoa | 25                 |                     | 25                               | Không<br>trúng<br>tuyển |

(Danh sách có 30 thí sinh)